

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Duy

Bà Lại Thị Thu Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị X, sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xây dựng gia đình với bà Vũ Thị X năm 2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L ngày 09/01/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được khoảng 2- 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế cũng như sinh hoạt hàng ngày dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau. Thời gian sau này mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng còn xảy ra xô xát. Do không có được tiếng nói chung, nên năm 2014 vợ chồng sống ly thân, sau đó khoảng 2 năm thì bà X đã xin lỗi nên ông quay về sống chung. Tuy nhiên chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nên năm 2019 ông về nhà mẹ đẻ của ông ở và vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vẫn trầm trọng, kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị X.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/11/2000, Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/6/2003, Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/11/2004, Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2012 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 04/11/2019. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị M1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, cháu Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Xuân P có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Vũ Thị X:

Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn T.

Đối với yêu cầu ly hôn của ông T thì bà không đồng ý, nếu ông T ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng sang tên toàn bộ tài sản cho bà thì bà mới ly hôn. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì vì bà không đồng ý ly hôn. Ngoài ra, bà không đòi hỏi gì thêm.

Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân P.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn với bà Vũ Thị X. Giao con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 04/11/2019 cho bà Vũ Thị X và giao cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2012 cho ông Nguyễn Văn Thường trực T3 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Vũ Thị X vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị X xây dựng gia đình với nhau năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/01/2000. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia

đình, nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà X là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông T khởi kiện ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng ông T, bà X phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách để cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân và không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X cũng xác định không còn tình cảm với ông T nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Do quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà X đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả ông T, bà X đều xác định không còn tình cảm với nhau. Do đó, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, giải quyết cho ông T và bà X được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị X có 05 con chung là Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 13/11/2000; Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/6/2003; Nguyễn Thị M1, sinh ngày 05/11/2004; Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2012 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 04/11/2019.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị M1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T đề nghị khi ly hôn, cháu Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Xuân P có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu T2 đang ở với ông T và trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T2 có đơn trình bày nguyện vọng được sống với cha; trong khi đó cháu P hiện nay đang ở với bà X. Do đó, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu, nên cần giao cháu T2 cho ông T và giao cháu P cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T xác định không có nợ chung; trong khi đó bà X không trình bày về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của ông Nguyễn Văn T, xử cho ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị X được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2012 cho ông Nguyễn Văn T và giao con chung Nguyễn Xuân P, sinh ngày 04/11/2019 cho bà Vũ Thị X có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp theo biên lai thu số 0005018 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Lâm Hà;
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Lâm;
- Lưu AV – HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Minh Phong

